

GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÀ TỪ NGỮ CHỈ NGHỀ THỦ CÔNG: TRƯỜNG HỢP DỆT VẢI VÀ LÀM LỒNG ĐÈN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PRESERVING AND PROMOTING THE CULTURE OF TRADITIONAL PROFESSIONS AND VOCABULARY DENOTING HANDICRAFTS: A CASE STUDY OF WEAVING AND LANTERN MAKING IN HO CHI MINH CITY

TRẦN THỊ PHƯƠNG LÝ^() và HÁCH THỊ THU QUỲNH^(**)*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 21-8-2024 Ngày biên tập xong: 13-9-2024 Ngày duyệt đăng: 31-9-2024 Mã số: TCKH47-16-2024 ISSN: 2525 – 2429</p> <p>Từ khóa: từ ngữ nghề nghiệp; đặc trưng văn hóa; nghề thủ công; Thành phố Hồ Chí Minh. Key words: professional vocabulary; cultural characteristics; traditional handicraft; Ho Chi Minh City.</p>	<p>Ngon ngữ là một trong những yếu tố cấu thành đồng thời cũng là phương tiện thể hiện văn hóa của mỗi cộng đồng diễn ngôn. Từ ngữ nghề nghiệp là sáng tạo tinh thần mà người làm nghề tạo ra để phản ánh thực tại của nghề. Thông qua thực tại được phản ánh, từ ngữ nghề nghiệp còn cho thấy được cách thức tư duy, lược đồ tri nhận và đời sống tinh thần của người làm nghề. Trên cơ sở lý thuyết ký hiệu học văn hóa và sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, bài viết hướng tới nghiên cứu sự tác động và thể hiện của các yếu tố văn hóa đến việc hình thành và phát triển của từ ngữ chỉ nghề thủ công dệt vải và làm lồng đèn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc “bức tranh ngôn ngữ về thế giới” được phản ánh một cách sống động qua từ ngữ nghề nghiệp và những nét văn hóa độc đáo thể hiện qua lớp từ ngữ này. Đồng thời, kết quả bài viết cũng chỉ ra những thách thức trong vấn đề tồn tại của nghề thủ công truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hóa và đề xuất một số giải pháp gìn giữ làng nghề từ góc độ tiếp cận ngôn ngữ học.</p> <p>ABSTRACT: Language is one of the key elements and a convenient means of expressing the culture of each discourse community. Professional vocabulary is a spiritual creation that professionals develop to reflect the practical aspects of their field. Through the reality reflected in this light, professional vocabulary also reveals the way of thinking, cognitive schemas, and spiritual life of professionals. Based on cultural semiotics theory and employing a combination of qualitative and quantitative research methods, this article guides the study of the activities and realization of cultural elements in the formation and development of the crafts of weaving and lantern</p>

(*) PGS.TS. Trường Đại học Sài Gòn, ttply@sgu.edu.vn

(**) CN. Trường Đại học Sài Gòn, quynhhach100699@gmail.com

making in Ho Chi Minh City. The research results provide insight into the "linguistic picture of the world" as vividly reflected through professional language, as well as the unique cultural features expressed through this layer of language. Additionally, the article identifies issues related to the survival of traditional crafts in the context of industrialization and proposes some solutions to preserve craft villages from a linguistic perspective.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ không những phản ánh đặc điểm chung của cộng đồng dân tộc mà còn phản ánh những hiện tượng riêng của các vùng dân cư, các ngành nghề khác nhau. Từ ngữ nghề nghiệp là kết quả sáng tạo, tích lũy về ngôn ngữ của nhân dân lao động, đó là những đơn vị từ vựng được sử dụng phổ biến trong phạm vi những người cùng làm một nghề nào đó. Đối với từ ngữ nghề nghiệp, nội dung định danh mang tính nghề nghiệp - tính chuyên môn là nội dung quan trọng để xác định tư cách từ ngữ nghề nghiệp của một ngành nghề trong xã hội. Việc tìm hiểu từ ngữ nghề nghiệp giúp chúng ta hiểu hơn về hoạt động sinh hoạt nghề và cách thức tư duy của cộng đồng những người làm nghề trong quá trình lao động sản xuất.

Thành phố Hồ Chí Minh là khu vực gặp gỡ và giao lưu các vùng văn hóa khác nhau. Trong quá trình sinh sống, người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh đã hình thành nên một số nghề thủ công như nghề dệt vải, đúc lu đồng, làm lồng đèn, làm gôm, làm bánh tráng... Một trong số ít làng nghề thủ công truyền thống còn tồn tại cho đến ngày nay là làng dệt vải Bảy Hiền và lồng đèn Phú Bình.

Làng dệt Bảy Hiền được hình thành từ quá trình di cư vào Sài Gòn lập nghiệp của người dân huyện Duy Xuyên, Điện Bàn (Quảng Nam) trong những năm 50 - 60 thế kỷ trước. Người Quảng di cư mang theo văn hóa và những tinh hoa ngành nghề tạo nên một "xứ Quảng" thu

nhỏ ngay giữa lòng đô thị để tiếp tục mưu sinh trên vùng đất mới. Nằm tập trung trên một số tuyến đường như Võ Thành Trang, Năm Châu, Nguyễn Bá Tòng... Bên góc ngã tư Bảy Hiền, làng dệt từng một thời là thương hiệu dệt nức tiếng gần xa không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng mà còn cả xứ Nam Bộ. Sản phẩm của làng dệt Bảy Hiền được ưa chuộng không chỉ bởi chất lượng tốt mà còn nằm ở sự đơn giản, không màu sắc, hoa văn, mang đậm nét tính cách mộc mạc của những người con xứ Quảng. Vào những năm 1980-1990, làng dệt Bảy Hiền phát triển cực thịnh với khoảng 4.000 lao động, có tới 1.700 hộ theo nghề, là nơi cung cấp phải lụa trắng nhất nhì cả nước [2]. Hình thành vào thập niên 50 ở thế kỷ trước như làng dệt Bảy Hiền, làng nghề lồng đèn Phú Bình hiện tại tọa lạc trên con đường Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn gốc của nghề bắt đầu từ làng Báo Đáp thuộc tỉnh Nam Định. Báo Đáp là tên làng, là quê cha đất Tổ; Báo Đáp còn có ý nghĩa như là sự báo đáp công ơn tổ tiên đã truyền nghề cho thế hệ sau để họ có thể duy trì cho đến ngày hôm nay. Thời kỳ những năm 1970 đến 1990 là thời kỳ hưng thịnh nhất của nghề làm lồng đèn Phú Bình. Mỗi gia đình có thể làm từ 15.000 đến 16.000 chiếc với đủ kiểu dáng, mẫu mã khác nhau mỗi độ Trung thu về. Khi đó, làng lồng đèn Phú Bình cung cấp lồng đèn cho cả Sài Gòn, các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc [3], [4].

Tuy nhiên, hai nghề truyền thống này cũng như nhiều nghề thủ công truyền thống khác dù đã có khoảng thời gian rất phát triển nhưng trước ảnh hưởng của cuộc sống hiện đại đã và đang đứng trước thách thức bị mai một hoặc bị thay đổi sang mô hình kinh doanh khác. Việc sản xuất nhỏ lẻ, thô sơ cùng với sự cạnh tranh khốc liệt từ hàng ngoại nhập đã làm cho sản phẩm của các làng nghề không còn chỗ đứng trên thị trường, dẫn đến tình trạng ngày càng nhiều nghệ nhân bỏ nghề, từ đó, một số từ ngữ nghề nghiệp cũng dần đi vào quên lãng. Trước thực tiễn của việc phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu, thu thập từ ngữ nghề nghiệp, nhất là từ ngữ nghề nghiệp các nghề thủ công truyền thống là việc làm vô cùng cần thiết trong việc bảo vệ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của vùng đất và con người nơi này.

Trong bài viết này, chúng tôi hướng đến nghiên cứu các đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của từ ngữ chỉ nghề thủ công truyền thống với mong muốn cung cấp cái nhìn sâu sắc “bức tranh ngôn ngữ về thế giới” được phản ánh một cách sống động và những nét văn hóa độc đáo thể hiện qua lớp từ ngữ này. Kết quả bài viết cũng chỉ ra những thách thức trong vấn đề tồn tại của nghề thủ công truyền thống trong bối cảnh công nghiệp hóa và đề xuất một số giải pháp gìn giữ làng nghề từ góc độ tiếp cận ngôn ngữ học.

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu và nguồn cứ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp điều tra điền dã và tiến hành phỏng vấn sâu 20 người thợ có kinh nghiệm, cùng với 6 nghệ nhân có tuổi đời, tuổi nghề cao tại các điểm nghiên cứu ở làng dệt vải Bảy Hiền và làng lồng đèn Phú Bình. Thông qua điền dã, nhóm tác giả đã thu thập được số lượng từ ngữ nghề dệt vải gồm 143 đơn vị và số lượng từ ngữ nghề làm lồng đèn là 102 đơn vị. Toàn bộ số lượng từ ngữ chỉ nghề này đã được chúng tôi công bố thành phụ lục theo hình thức

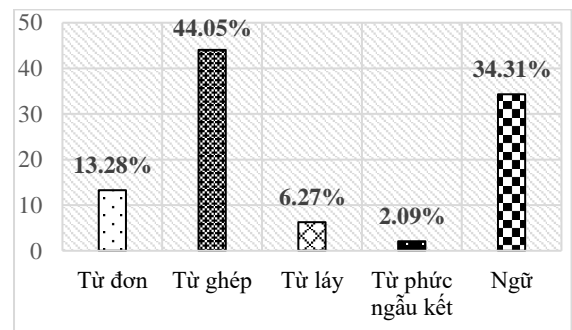
bảng từ, có chú giải nghĩa và đây là một nguồn tư liệu cho việc xây dựng từ điển phương ngữ (được thể hiện trong link gắn kèm). Bên cạnh đó, các phương pháp thống kê, phân tích và miêu tả cũng sẽ được sử dụng phối hợp để làm rõ các đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa từ ngữ chỉ nghề thủ công ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Qua khảo sát từ ngữ chỉ nghề thủ công ở Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi thu về được những kết quả sau:

2.2.1. Đặc trưng tư duy qua cách thức định danh

Sự khác biệt về số lượng của các từ ngữ nghề nghiệp ở hai nghề thủ công truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh thực tại văn hóa của các cộng đồng làm nghề qua các nhóm từ ngữ khác nhau: Người lao động, thao tác/ công đoạn sản xuất, nguyên liệu, sản phẩm... Việc xuất hiện các hình thức ngôn ngữ cũng phản ánh văn hóa sử dụng từ ngữ nghề nghiệp của các cộng đồng làm nghề ở Thành phố Hồ Chí Minh: Người lao động Việt thường sử dụng lối nói trực tiếp nhiều hơn sử dụng lối nói bóng bẩy.

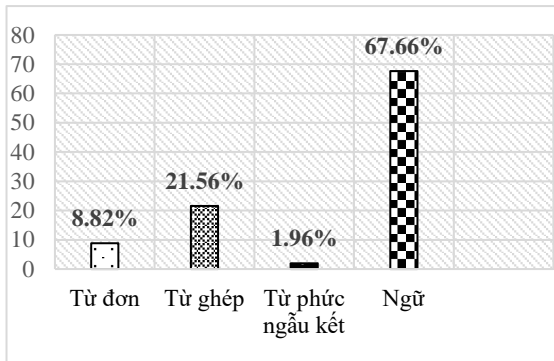


Biểu đồ 1. Thống kê tỷ lệ phần trăm từ ngữ nghề dệt vải ở làng dệt vải Bảy Hiền, xét theo đặc trưng cấu tạo

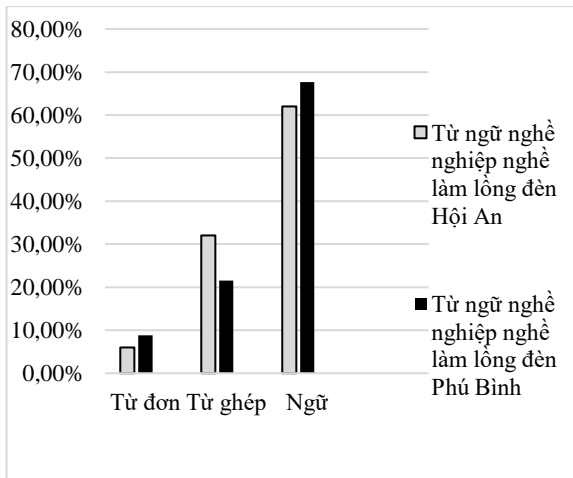
Nguồn: Tác giả thống kê

Các từ ngữ nghề dệt vải, chủ yếu dùng để gọi tên mỗi dụng cụ, bộ phận máy móc hay thao tác, công đoạn và sản phẩm của nghề. Người làm nghề đều muốn tìm ra những nét đặc trưng cụ thể, cá biệt hóa nhằm phân biệt giữa các sự vật, hiện tượng này với sự vật hiện tượng một cách rõ ràng. Việc tạo ra những đơn

vị có nghĩa biệt loại chính là do yếu tố phụ (yếu tố phân nghĩa) phản ánh được đặc trưng khu biệt theo sự lựa chọn. Điều đó không chỉ tạo ra tính chuyên môn của từ nghề nghiệp, xét về mặt ngôn ngữ mà còn góp phần thể hiện sự tri nhận hiện thực cuộc sống của con người nơi đây vô cùng đa dạng, sáng tạo và linh hoạt. Ví dụ: Bánh trốn, cái nhong, con chuột, cái mương, đòn đánh, giò khô, ú đòn...



Biểu đồ 2. Thống kê tỷ lệ phần trăm từ ngữ nghề làm lồng đèn ở làng lồng đèn Phú Bình, xét theo đặc trưng cấu tạo
 Nguồn: Tác giả thống kê



Biểu đồ 3. Sự khác biệt về tỷ lệ hình thức cấu tạo của từ ngữ nghề làm lồng đèn Phú Bình so với từ ngữ nghề làm lồng đèn Hội An
 Nguồn: Tác giả thống kê

Ngữ định danh trong từ ngữ nghề nghiệp nghề làm lồng đèn có số lượng lớn. Đặc biệt là ngữ định danh hoàn toàn là hình thức cấu tạo của nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm cho thấy từ ngữ nghề làm lồng đèn Phú Bình và Hội An có

nhu cầu chi tiết hóa sản phẩm cao hơn các nhóm từ ngữ khác. Người thợ làm lồng đèn ưa sử dụng lối nói trực tiếp. Đặc biệt, nhóm các từ ngữ biểu thị thao tác, công đoạn và sản phẩm phân lớn là ngữ định danh cho thấy nhu cầu chi tiết hóa cao của nhóm từ ngữ này trong vốn từ ngữ nghề làm lồng đèn.

Nghĩa trực tiếp của từ ngữ nghề nghiệp phản ánh thực tại văn hóa lao động sản xuất thông qua ý nghĩa biểu vật. Trong khi đó, nghĩa chuyển tiếp trong từ ngữ nghề nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh tư duy dĩ nhân vi trung (khi chuyển những nét nghĩa của từ toàn dân biểu thị bộ phận cơ thể người sang nghĩa của từ ngữ nghề nghiệp biểu thị đối tượng trong nghề). Ngoài ra, nghĩa chuyển tiếp trong từ ngữ nghề nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh còn phản ánh lối tư duy trực quan của người Việt (khi chuyển những nét nghĩa của từ ngữ toàn dân thuộc văn hóa nông nghiệp sang nghĩa của từ ngữ nghề nghiệp biểu thị đối tượng trong nghề) ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Ví dụ: *vỡ nhong* (sự cố) (dây nhong bị rời ra) (không nguyên vẹn ở vị trí ban đầu).

Có thể mô hình hóa cấu trúc biểu niệm của nhóm từ ngữ về người lao động như sau: (*sự cố/ lỗi*) (*Xn*). Trong đó: *X* là những nét nghĩa chỉ các sự cố và lỗi trong quá trình dệt vải; *n* là số lượng các nét nghĩa.

Nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu của nghề làm lồng đèn, gồm những từ ngữ như: *giấy bóng kiếng, giấy màu, sơn bột, keo hồ,...* có cấu trúc biểu niệm như sau: *giấy bóng kiếng* (vật liệu có dạng tờ), (có độ bóng), (có thể nhìn xuyên độ trong suốt), (dùng để dán bên ngoài khung lồng đèn).

Có thể mô hình hóa cấu trúc biểu niệm của nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu sản xuất nghề làm lồng đèn như sau: (*vật liệu*) ± (*Xn*). Trong đó: *X* là những nét nghĩa về hình dạng, tính chất... của vật liệu sản xuất; *n* là số lượng các nét nghĩa.

Bên cạnh nghĩa trực tiếp, từ ngữ nghề nghiệp nghề làm lồng đèn còn cho thấy nghĩa chuyển tiếp được phái sinh qua phương thức ẩn dụ/ hoán dụ của từ. Chẳng hạn, thuộc tính “đồ vật mang ở phía dưới, có tác dụng giữ vệ sinh và nâng đỡ” ở từ *dép con cửi* (để làm bằng gỗ đặc, dùng để giữ an toàn cho máy dệt, không làm máy rung lắc khi hoạt động cũng như giữ vệ sinh cho máy so với mặt đất). Hay như việc chuyển những thuộc tính hình dáng của cây, “loài thực vật” trong từ vựng toàn dân sang thuộc tính có dạng khối trụ dài, tròn của *cây giữ cửi* (làm bằng gỗ, hình trụ dài, có trục quay dài khoảng 2m, bán kính 10cm dùng để lăn sợi cho đều, một cây giữ cửi có thể gồm 1000 m vải), hay sang thuộc tính hình trụ, có gốc đỡ của *cây điện* (khi khởi động cây điện đây nhằm cho dòng điện chạy làm máy hoạt động. Đối với lớp từ chỉ nghề làm lồng đèn có một trường hợp là *xương lồng đèn*, dùng nét nghĩa của bộ phận cơ thể người như *xương* (bộ phận cơ thể dùng để nâng lồng ngực của người và động vật)... để gọi tên những bộ phận có vị trí tương ứng của sản phẩm.

Bảng 1. Bảng thống kê số lượng, tỷ lệ từ ngữ nghề dệt vải ở làng dệt vải Bảy Hiền, xét theo nguồn gốc

Từ ngữ		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thuần Việt		130	90,9
Vay mượn	Toàn bộ	8	5,59
	Yếu tố	5	3,51
Tổng		143	100

Nguồn: Tác giả thống kê

Sự đa dạng về nguồn gốc các yếu tố cấu tạo từ ngữ nghề nghiệp cho thấy sự đa dạng văn

hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh khi vốn từ này vừa phản ánh văn hóa truyền thống của người Việt, vừa phản ánh sự giao lưu, tiếp biến văn hóa qua nhóm từ ngữ có yếu tố cấu tạo kết hợp giữa gốc Việt với từ ngữ gốc vay mượn (gốc Hán - Việt, Ấn - Âu...).

Bảng 2. Bảng thống kê số lượng, tỷ lệ từ ngữ nghề làm lồng đèn ở làng lồng đèn Phú Bình, xét theo nguồn gốc

Từ ngữ		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thuần Việt		90	88,23
Vay mượn	Toàn bộ	4	3,92
	Yếu tố	8	7,85
Tổng		102	100

Nguồn: Tác giả thống kê

Nghiên cứu cấu trúc định danh của từ ngữ nghề nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, những từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản biểu thị những đối tượng chỉ loại trong nghề không nhiều, chủ yếu là những từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp, biểu thị những sự vật, hiện tượng được chi tiết hóa. Bên cạnh đó, từ ngữ nghề nghiệp có phương thức định danh trực tiếp với những đặc trưng thuộc bản thể của đối tượng định danh đã phản ánh tư duy trực quan của người thợ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tư duy trực quan đó cũng được phản ánh qua việc lựa chọn yếu tố cơ sở mang tính hình thức để định danh từ ngữ nghề nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, từ ngữ nghề nghiệp có phương thức định danh gián tiếp phản ánh tư duy trực quan, tư duy dĩ nhân vi trung của những người thợ khi ẩn dụ những thuộc tính tương đồng của từ ngữ với đối tượng mà từ biểu thị.

Bảng 3. Các kiểu định danh của từ ngữ nghề dệt vải ở làng dệt vải Bảy Hiền

TT	Kiểu định danh	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ví dụ
1	Định danh theo tính chất, trạng thái, âm thanh	29	20,71	<i>mượt, bánh tròn, sợi dún, vải phi bóng...</i>
2	Định danh theo vị trí và đối tượng chịu tác động	28	20	<i>đứt sợi cửi, xoắn bánh, se máy, se chỉ...</i>
3	Định danh theo cách thức, chức năng	21	15	<i>máy dệt, máy sứt, khung dệt, cây điện...</i>
4	Định danh theo đặc điểm cấu tạo, hình dáng, kích thước	13	9,28	<i>con thoi, co chuột, con cò, dây sên...</i>
5	Định danh theo đặc điểm chất liệu cấu tạo	11	7,85	<i>cầu gỗ, ổ bi...</i>

TT	Kiểu định danh	Số lượng	Tỷ lệ(%)	Ví dụ
6	Định danh theo đối tượng cụ thể trong nghề	10	7,14	<i>lỗ go, cái nhong...</i>
7	Định danh theo tính chất, vị trí bộ phận trong chính thể	2	1,42	<i>đầu máy, dép con cừi</i>
8	Định danh theo giới tính	2	1,42	<i>người nam và người nữ.</i>
9	Các loại định danh khác	24	17,18	<i>ric, đan, kéo, xâu, cần, dệt, chượng...</i>
	Tổng	140	100	

Nguồn: Tác giả thống kê

Bảng 4. Các kiểu định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn ở làng lồng đèn Phú Bình

TT	Kiểu định danh	Số lượng	Tỷ lệ(%)	Ví dụ
1	Định danh theo tính chất, trạng thái	14	14	<i>gọn một con, chẻ nhỏ, dày, mỏng, hết hàng...</i>
2	Định danh theo vị trí và đối tượng chịu tác động	27	27	<i>phơi tre, rập ô, ra nan, phân ra lồng...</i>
3	Định danh theo cách thức, chức năng	16	16	<i>cọ, cưa...</i>
4	Định danh theo đặc điểm cấu tạo, hình dáng, kích thước	21	21	<i>lồng đèn con gà, lồng đèn tròn, ...</i>
5	Định danh theo đặc điểm chất liệu cấu tạo	7	7	<i>giấy bóng kiếng, sơn nước</i>
6	Định danh theo đối tượng cụ thể trong nghề	1	1	<i>xương lồng đèn</i>
7	Định danh theo tính chất, vị trí bộ phận trong chính thể	2	2	<i>phần giấy kiếng dư, chi tiết rời</i>
8	Các loại định danh khác	12	12	<i>lò ô, thị hiếu, quy mô...</i>
	Tổng	100	100	

Nguồn: Tác giả thống kê

2.2.2. Đặc trưng văn hóa

Từ ngữ nghề nghiệp không những phản ánh văn hóa lao động sản xuất mà còn là phương tiện để truyền tải văn hóa. Từ ngữ nghề nghiệp không những được dùng trong nghề để trao truyền kinh nghiệm mà còn được dùng trong đời sống văn hóa của người dân Thành phố Hồ Chí Minh để phản ánh văn hóa ứng xử, văn hóa trọng thợ cũng như phản ánh tâm tư, tình cảm của con người trong tình yêu lứa đôi cũng như trong cuộc sống thường ngày.

Nghề dệt vải và làm lồng đèn vốn là một nghề mang tính truyền thống lâu đời của người Việt nói chung, người làng nghề Bảy Hiền và làng nghề Phú Bình nói riêng. Vì thế, dấu ấn văn hóa về xã hội và con người của một nghề thủ công đã hằn sâu trong các hoạt động, ứng xử, ngôn ngữ của cả cộng đồng, trong đó có cư dân làng dệt Bảy Hiền và làng lồng đèn Phú

Bình. Vốn từ ngữ chỉ các nghề thủ công truyền thống này đã phần nào thể hiện được những giá trị tinh thần văn hóa, thẩm mỹ, tri thức bách khoa dân gian cũng như kiểu tư duy cụ thể, sự tinh tế trong hoạt động làm nghề và những tâm tư, tình cảm của con người vùng đất này.

Vốn từ ngữ nghề nghiệp còn để truyền tải kinh nghiệm riêng của người làm nghề. Bên cạnh đó, từ ngữ nghề làm lồng đèn và dệt vải còn phản ánh văn hóa qua những bài đồng dao, ca dao, tục ngữ - hình thức văn học dân gian gắn bó lâu bền với lịch sử của cộng đồng. Bên cạnh đó, vốn từ ngữ này cũng phản ánh mối quan hệ gắn gũi của nghề thủ công với đời sống thường nhật của con người.

Xét ở bình diện văn hóa, sự phong phú, đa dạng của vốn từ ngữ nghề thủ công ở Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần tạo nên tính phong phú đa sắc màu của tiếng Việt về mặt

biểu hiện. Những biểu trưng xuất phát từ những hình ảnh của nghề thủ công cho thấy tính chất nghề nghiệp, ngôn ngữ - văn hóa nghề nghiệp là những giá trị tinh thần được chất lọc từ thực tiễn hoạt động nghề nghiệp của những nghề truyền thống lâu đời đã ăn sâu vào tâm hồn, tính cách của con người Việt Nam. Tính truyền thống của các nghề thủ công lâu đời vẫn giữ được những đặc điểm riêng biệt khó thay thế trước những biến đổi của xu thế thị trường. Muốn nghề thủ công tồn tại mãi mãi với thời gian, chúng ta không những cần chú trọng bảo vệ quy trình làm nghề mà cần có chính sách để bảo vệ vốn từ chỉ nghề, đó là việc làm cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

2.2.3. Một số vấn đề đặt ra hiện nay đối với sự tồn tại của các làng nghề thủ công truyền thống và từ ngữ nghề nghiệp liên quan

Nghề và làng nghề truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh rất đa dạng và phong phú, từ các quận nội thành đến các huyện ngoại thành đều có sự hiện diện của nghề và làng nghề truyền thống. Ở mỗi nơi, mỗi địa phương nghề và làng nghề hình thành gắn liền với điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, thổ nhưỡng và con người nơi đó. Mỗi nghề mang một sắc thái khác nhau từ những nghề và làng nghề sản xuất hàng tiêu dùng, vật dụng trong gia đình như gỗ mỹ nghệ Tân Bình, gỗ Trung Mỹ Tây (quận 12), làng giày dép (quận 4) và đặc biệt là những làng nghề sản xuất rô, rá, mảnh trúc, đệm... ở Hóc Môn và Củ Chi... đến các nghề và làng nghề mang dấu ấn tinh thần như nghề làm lồng đèn Phú Bình (quận 11), làng dệt vải Bảy Hiền (Tân Bình), làm đàn (quận 4), làng cây kiểng Gò Vấp... Năm 2000, ở Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 65 làng nghề thủ công truyền thống đang hoạt động. Hiện tại, Thành phố chỉ còn khoảng 19 làng nghề đang còn hoạt động. Hiện tượng tàn lụi của các làng nghề xuất hiện rõ rệt [1, tr.8].

Đối với nghề dệt vải tại làng Bảy Hiền, đến đầu năm 2000, dệt vải khung gỗ trở nên lỗi thời,

sản phẩm không nhiều mẫu mã, không có họa tiết, không cạnh tranh được trước sự ra đời của vải giá rẻ Trung Quốc, Đài Loan, từ đó đơn hàng ít dần đi, giá cả tụt dốc, máy móc vẫn cần bảo dưỡng nhưng lại không có nguồn thu. Nhiều gia đình đành ngậm ngùi bỏ nghề, bán máy móc, làng dệt đứng trước nguy cơ tan rã. Tiếng lạch cạch, xình xịch của khung dệt chỉ nghe văng vẳng, chứ không ồn ào, rộn rã như trước đây. Làng dệt Bảy Hiền ngày càng đi vào ngõ cụt, đa phần các hộ dân đành chuyển sang kiếm sống bằng nghề khác. Những thương hiệu vải nức tiếng một thời như Phúc Trang, Trương Tôn, Huỳnh Giai... dần đi vào dĩ vãng. Những con đường sầm uất nơi đóng đô của cơ sở dệt như Võ Thành Trang, Nguyễn Bá Tòng, Tái Thiết đã lặng tiếng thoi đưa. Số hộ dân và nghệ nhân còn gắn bó với nghề dệt chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Những nhà tích góp được nhiều vốn thì chấp nhận đầu tư hàng trăm triệu đồng sắm máy dệt kim để sản xuất bắt kịp xu hướng thị trường. Tuy nhiên, sản phẩm làm ra cũng không thể cạnh tranh, tiền bán vải không bù đủ tiền máy móc, trả công thợ. Lớp trẻ sinh ra và lớn lên tại đây cũng không mấy mặn mà với nghề dệt truyền thống của cha ông. Bởi thế, Bảy Hiền thưa dần tiếng khung cửi, tiếng máy dệt [2].

Đây cũng là tình hình làng nghề làm lồng đèn Phú Bình hiện nay. Nếu trước đây nghề làm đèn lồng rất phát triển, cả làng có hơn trăm hộ, nhưng cùng với những thăng trầm của cuộc sống mà nghề làm lồng đèn dần bị mai một. Làng lồng đèn Phú Bình dần bị “tàn phá” vì không cạnh tranh được với lồng đèn nhựa, đèn giấy mẫu mã bắt mắt của Trung Quốc. Người làng bỏ nghề gần hết, từ hơn trăm hộ chỉ còn sót lại hơn chục hộ dân vẫn cố gắng bám trụ với lồng đèn giấy kiểng. Theo các nghệ nhân, làm lồng đèn không khó nhưng tốn thời gian và nhiều công đoạn từ khâu chọn vật liệu đến chẻ tre, tạo hình, dán giấy bóng kính, vẽ trang trí... đòi hỏi người làm nghề phải tỉ mỉ, sáng tạo từng chi tiết để có thể cho ra các sản phẩm với

những hình thù, màu sắc độc đáo. Lòng đèn truyền thống chủ yếu làm bằng tay nên sản phẩm làm ra vẫn không đủ để cung cấp ra thị trường. Để bám trụ với nghề, nhiều hộ dân đã cố gắng thay đổi để thích nghi với cuộc sống hiện đại. Người làng Phú Bình vẫn tự tin, rằng với bàn tay sáng tạo, sản phẩm mang dáng dấp, hồn cốt người Việt thì không phải lo những chiếc lòng đèn ở đây bị khách hàng quay lưng. Điều họ lo lắng nhất, là những nghệ nhân đều đã hơn 50 tuổi, chỉ tầm chục năm nữa, họ sẽ không tiếp tục làm được các sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật, tỉ mỉ này. Trong khi đó, thế hệ kế cận, mặc dù đều nắm được kỹ thuật làm đèn, nhưng đều không muốn nối nghiệp cha ông vì công việc khó khăn, vất vả, thu nhập lại thua nhiều ngành nghề khác. Do đó, khi tiến hành điều tra điền dã, chúng tôi gặp không ít khó khăn trong việc gặp gỡ và thu thập vốn từ ngữ nghề nghiệp ở những người làm nghề. Từ ngữ nghề nghiệp đang đứng trước nguy cơ bị mất đi bởi người dân ít làm nghề truyền thống đồng thời sẽ ít hoặc không sử dụng từ ngữ của nghề nữa.

Trước thực tiễn của việc phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu, thu thập từ ngữ nghề nghiệp, nhất là vốn từ chỉ nghề thủ công truyền thống để góp phần giảm bớt sự mai một của các làng nghề là việc làm cần thiết trong việc bảo vệ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của vùng đất và con người nơi này.

2.2.4. Đề xuất một số biện pháp bảo tồn văn hóa nghề truyền thống và từ ngữ chỉ nghề thủ công ở Thành phố Hồ Chí Minh

1) Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nghề thủ công

Thị trường là vấn đề được quan tâm hàng đầu bởi vì nó là yếu tố quan trọng trong sự duy trì và phát triển của nghề thủ công truyền thống. Một số kênh tiêu thụ có thể được kể đến như là: Thị trường nước, nhà sách, kênh online - mạng Internet, các hội chợ, triển lãm... nhằm giới thiệu sản phẩm, trao đổi, giao lưu với các

nghệ nhân, thợ thủ công cũng như chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình làm nghề, truyền lửa nghề cho thế hệ mới.

Các phương tiện truyền thông đại chúng cần có nhiều bài viết, phóng sự khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm vải, lòng đèn truyền thống; những buổi phỏng vấn người làm nghề, chia sẻ cách trang trí lòng đèn sao cho thẩm mỹ và đậm chất Việt. Có như vậy sản phẩm của nghề thủ công mới có thể gần hơn với người dân, thu hút họ đến với những giá trị truyền thống của người Việt.

2) Đầu tư bảo tồn

Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh có một số bảo tàng có gian trưng bày các sản phẩm nghề thủ công truyền thống như Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh trong gian Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp, Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống... Những hình thức bảo tàng triển lãm nghề thủ công và sản phẩm của nghề thủ công truyền thống cần được các địa phương chú ý phát triển hơn nữa để có thể lưu giữ, làm đa dạng hơn những giá trị truyền thống của dân tộc.

3) Đầu tư và kết hợp tham quan, du lịch

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố du lịch không chỉ thu hút khách du lịch từ mọi miền Tổ quốc mà còn ở các quốc gia khác trên thế giới. Đây cũng là cơ hội để các ngành nghề truyền thống có cơ hội phát triển nhiều hơn nữa. Các làng nghề có thể triển khai hoạt động quanh năm, các hộ dân có thể làm lòng đèn như một nghề chính. Giống như làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), ở Bảy Hiền hay Phú Bình cũng có thể cho khách trải nghiệm làm nghề. Việc này vừa mang lại niềm vui cho khách du lịch vừa mang lại thu nhập cho người làm nghề vừa giúp duy trì và phát triển nghề vừa góp phần quảng bá văn hóa cho địa phương, cho đất nước. Tuy nhiên, cần kết hợp với các địa điểm tham quan khác trong khu vực để tạo ra một tour du lịch hấp dẫn du khách. Do vậy, địa

phương cũng cần có sự liên kết với các công ty du lịch, các doanh nghiệp lữ hành để tổ chức hiệu quả hơn.

4) Vai trò của Nhà nước và chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương là người gần gũi và hiểu rõ về nghề nhất, từ đó có những kế hoạch để phát triển nghề. Các cán bộ phường cũng đã hỗ trợ bằng cách tuyên truyền, vận động các trường học, các nhà tài trợ, các đơn vị trên địa bàn khi thực hiện chương trình Trung thu cho thiếu nhi, sử dụng lồng đèn của các cơ sở tại địa phương. Hỗ trợ người dân bằng cách cho vay từ các nguồn vốn tín dụng của Nhà nước. Chính quyền cũng cần chú trọng vào công tác đào tạo nguồn lao động cho nghề, tạo cơ hội việc làm cho nhiều người ở địa phương. Bên cạnh đó, chính quyền cần giải quyết thích đáng cho người dân trong việc đóng thuế và đăng kí giấy phép kinh doanh, thành lập công ty kinh doanh... để họ có cơ sở ổn định, từ đó yên tâm làm nghề.

5) Vai trò của những người làm nghề

Những người thợ tâm huyết và còn mặn mà với nghề không chỉ là vì kinh tế mà còn vì lưu lại những giá trị truyền thống của cha ông để lại. Muốn giữ nghề trong giai đoạn hiện nay, những người thợ thủ công cần tìm hiểu nhu cầu thị trường, thị hiếu của khách hàng qua từng năm kinh doanh, loại lồng đèn nào được nhiều khách hàng lựa chọn, loại vải nào được ưa chuộng để có thể đáp ứng nhu cầu vào năm sau. Sáng tạo những sản phẩm độc đáo, thu hút khách hàng là một việc quan trọng trong việc phát triển nghề, giữ nghề tồn tại với thời gian đồng thời làm đa dạng, phong phú các mẫu mã. Luôn giữ vững tinh thần và lòng yêu nghề là yếu tố không thể thiếu, nhất là trong giai đoạn hiện tại khi thị trường thu hẹp lại. Truyền lửa và kỹ năng nghề cho thế hệ sau là việc làm những thợ lành nghề đã và đang thực hiện khá tốt. Không chỉ những thanh niên, những người lớn tuổi mới học nghề và làm mà những em nhỏ trong gia đình đã bắt

đầu làm quen từ những công đoạn đơn giản nhất để phụ giúp gia đình.

Một nghề, làng nghề truyền thống đều có những đặc trưng riêng để có thể tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Điều đó cũng tạo nên sự khác biệt giữa các ngành nghề, giữa các vùng miền khác nhau. Đặc trưng đó cũng kéo theo sự khác biệt rõ rệt về vốn từ ngữ được sử dụng khi làm nghề. Hiểu rõ về nghề nhất không ai khác chính là những người làm nghề. Họ là những người thợ lành nghề, những người thợ lớn tuổi, hoặc thế hệ người trẻ phụ giúp những công việc của gia đình. Để giữ nghề truyền thống tồn tại đến ngày hôm nay, những người làm nghề không những vì giá trị kinh tế mà còn vì lòng yêu nghề, tâm huyết với những nghề thủ công truyền thống của cha ông. Muốn nghề thủ công tồn tại mãi mãi với thời gian, không những chúng ta cần chú trọng bảo vệ quy trình làm nghề mà cần có chính sách để bảo vệ vốn từ chỉ nghề, đó là việc làm cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Nghề thủ công truyền thống gắn bó với nhân sinh, trí tuệ dân tộc, loài người trong một thời kỳ dài của lịch sử. Hiện nay, nghề thủ công truyền thống vẫn tồn tại, tuy không phổ biến như trước nhưng vẫn có vai trò, vị trí riêng trong đời sống văn hóa - xã hội - nhân sinh của một bộ phận dân tộc. Từ ngữ nghề nghiệp của nghề thủ công truyền thống ở Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh thực tại văn hóa lao động sản xuất, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cư dân sở tại, đồng thời còn phản ánh sự giao lưu, tiếp biến văn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Lối từ ngữ chỉ nghề thủ công còn phản ánh lối tư duy trực quan và lối tư duy dĩ nhân vi trung của người thợ làm nghề, góp phần tạo nên sự đa dạng và phong phú trong vốn từ tiếng Việt. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đang có một số chính sách về nghề truyền thống cùng với du lịch để phát triển kinh tế-xã hội, các nghề truyền thống càng nhiều có cơ hội

được phổ biến ra ngoài thị trường. Việc nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp đối với các nghề thủ công truyền thống do vậy cần được quan tâm hơn nữa để góp phần phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của vùng đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tôn Nữ Quỳnh Trân (2002), *Làng nghề thủ công truyền thống tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Hoàng Mộc Lan (2019), *Làng dệt trong lòng thành phố*, <https://nhandan.vn/lang-det-trong-long-thanh-pho-post380730.html>, ngày truy cập: 16-03-2024.
- [3] Thảo Linh (2022), *Làng dệt Bảy Hiền – Một thời lừng lẫy đất Sài Thành*, <https://langngheviet.com.vn/lang-det-bay-hien-mot-thoi-lung-lay-dat-sai-thanh-21419.html>, ngày truy cập: 01-04-2024.
- [3] Minh Tuấn (2022), *Làng nghề lồng đèn Phú Bình sinh tồn giữa thời hiện đại*, <https://lamgiau.laodongthudo.vn/lang-nghe-long-den-phu-binh-sinh-ton-giua-thoi-hien-dai-1057.html>, ngày truy cập: 17-03-2024.